

BÀI 8 もう一度(いちど)お願(ねが)いします
MÔICHIDO ONEGAI SHIMASU

先生(せんせい) Thày giáo	みなさん、これを覚(おぼ)えてください。 試験(しけん)によく出(で)ます。 MINASAN, KORE O OBOETE KUDASAI. SHIKEN NI YOKU DEMASU.	Các em, hãy ghi nhớ cái này! Cái này thường có trong bài thi.
学生(がくせい) Sinh viên	えっ。 E'.	Ối!
アンナ Anna	先生(せんせい)、もう一度(いちど)お願(ねが)いします。 SENSEI, MÔICHIDO ONEGAI SHIMASU.	Thưa thày, xin thày nói lại một lần nữa ạ!



Mẫu ngữ pháp

① Động từ thể TE (1) Cách chia cơ bản

☞ *Động từ : Xem trang 54, 55*

◈ Khi động từ ở giữa câu, nghĩa là sau nó còn có các từ khác, thì phải chia động từ.

◈ Động từ khi chia kết thúc bằng TE hoặc DE được gọi là động từ thể TE.

Về cơ bản, có thể chia động từ sang thể TE bằng cách đổi MASU thành TE.

Ví dụ: OBOEMASU (nhớ) ⇒ OBOETE

② Động từ thể TE + KUDASAI (xin hãy _)

◈ Khi đề nghị ai đó làm việc gì, dùng động từ thể TE và thêm KUDASAI (xin hãy)

Ví dụ: OBOEMASU + KUDASAI ⇒ OBOETE KUDASAI (xin hãy ghi nhớ)



Từ tượng thanh và tượng hình



Tiếng tim đập nhanh khi ngạc nhiên, lo lắng hay phấn khích



Từ diễn tả việc đột nhiên sửng sốt với điều gì đó